

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 547/2025/DS-PT

Ngày: 28-8-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh của Tòa án bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 488/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; CCCD số 080163014335; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp G, xã N, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An, có mặt.

Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969; CCCD số 080169009863; địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2/ Ông Bùi Thanh L1, sinh năm 1971; CCCD số 080071013866; địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969; địa

chỉ: Số A đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số A đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Minh S, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, có đơn xin vắng.

2/ Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp D, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, có đơn xin vắng.

3/ Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, có đơn xin vắng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Bùi Văn T trình bày:

Ngày 30/8/2024, bà Nguyễn Thị Kim L có vay bà Nguyễn Thị M số tiền 500.000.000 đồng để vợ chồng bà L (bà L và ông Bùi Thanh L1) đáo hạn Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói, thời hạn vay tiền là 02 tháng, đến ngày 30/10/2024, việc cho vay có lập Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024. Đến hạn trả nợ ngày 30/10/2024, nhưng bà L và ông L1 không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ cho bà Nguyễn Thị M.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 30/8/2024, yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm), tính từ ngày 30/8/2024 đến ngày giải quyết vụ án, yêu cầu thanh toán một lần.

Ngoài ra, sau ngày 30/8/2024, bà L vì cần thêm tiền nên nhờ bà M tìm người có tiền cho bà L vay nên bà M có giới thiệu cho bà L gặp bà Trần Thị Mỹ P (cháu của bà M) và ông Trần Minh S (con ruột bà M) cho bà L vay tiền.

Ngày 06/9/2024, bà M có dẫn bà P và ông S đến nhà bà L (tiệm bán tạp hóa tại ấp T), bà P cho bà L vay số tiền 1.000.000.000 đồng, ông S cho bà L vay số tiền 230.000.000 đồng; bà M trực tiếp chứng kiến bà L ký vào giấy mượn tiền và nhận tiền vay từ bà P, ông S.

Sau đó, bà L còn tiếp tục nhờ bà M tìm người cho bà L vay tiền nên bà M có giới thiệu bà Nguyễn Thị P1 (em ruột bà M) cho bà L vay tiền. Ngày 06/9/2024, bà M có dẫn bà P1 đến nhà bà L (tiệm bán tạp hóa tại ấp T), bà P1 cho bà L vay số tiền 1.000.000.000 đồng; bà M trực tiếp chứng kiến bà L ký vào giấy mượn tiền và nhận tiền vay từ bà P1.

Để đảm bảo cho các lần vay tiền trên, bà L có giao cho bà M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05T53 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 28, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An do ông L1 đứng tên nhằm để đảm bảo số tiền vay của bà M. Bà L có cam kết, khi bà L, ông L1 thanh toán đầy đủ số tiền vay

cho bà M và các chủ nợ thì dùng quyền sử dụng đất số CS05T53 đối với thửa đất số 120 để thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 là vợ chồng, chung sống với nhau vào khoảng năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, hiện nay vẫn còn tồn tại hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị M là hàng xóm với vợ chồng bà L. Bà Nguyễn Thị P1 là em gái ruột của bà M bà Trần Thị Mỹ P là cháu bà M, còn Trần Minh S là con của bà M.

Từ khoảng tháng 8 năm 2024, do thiếu vốn kinh doanh, bà L có vay mượn tiền của bà M, việc vay mượn được thực hiện nhiều lần, bà L vay rồi trả một phần, trả toàn bộ sau đó tiếp tục vay rồi trả một phần (do nhiều lần nên bà L không nhớ chính xác thời gian và số tiền cụ thể) với lãi suất 0.25%/ngày, việc trả lãi được chuyển khoản cho ông Trần Minh S, hoặc trả trực tiếp cho bà M.

Đến ngày 30/8/2024, bà L còn nợ lại bà M số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) nên bà L có ký với bà Nguyễn Thị Mỹ G mượn tiền với số tiền 500.000.000 đồng.

Sau ngày 30/8/2024, bà L tiếp tục mượn bà M và bà Nguyễn Thị P1 nhiều lần tiền, bà L không nhớ rõ từng lần mượn tiền, đến ngày 06/9/2024 tổng số tiền bà L mượn bà M và bà P1 là 1.500.000.000 đồng, bà M nói rằng toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà L mượn thêm sau này đều là tiền của bà P1 nên tại nhà bà M, bà M và bà P1 yêu cầu bà L ký Giấy mượn tiền ngày 06/9/2024 với số tiền 1.500.000.000 đồng.

Sau đó, bà L tiếp tục mượn bà M nhiều lần tiền, đến ngày 05/12/2024, tổng số tiền vay mượn là 1.230.000.000 đồng, bà M dẫn bà Trần Thị Mỹ P đến nhà bà L và nói rằng trong tổng số tiền 1.230.000.000 đồng có 1.000.000.000 đồng là tiền của bà Trần Thị Mỹ P và 230.000.000 đồng là tiền của ông Trần Minh S nên yêu cầu bà L ký Giấy mượn tiền với bà P và ông S theo Giấy mượn tiền đều đề ngày 06/9/2024. Thực chất, bà L không có gặp mặt bà Trần Thị Mỹ P và ông Trần Minh S vào ngày 06/9/2024 và không hề gặp mặt ông Trần Minh S lần nào. Trong suốt thời gian mượn tiền, bà L đã nhiều lần trả lãi cho bà M qua số tài khoản của ông Trần Minh S (đã cung cấp bản in chuyển tiền giao nộp cho Tòa), có khi trả tiền mặt trực tiếp cho bà M.

Toàn bộ số tiền vay mượn trên bà L dùng để có vốn kinh doanh tiệm tạp hóa, một phần bà L dùng để cho vay lại của người có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Nhưng sau đó những người này không hoàn trả lại cho bà L nên bà L không thể trả lại tiền cho bà M. Việc vay mượn tiền này chồng bà L là ông Bùi Thanh L1 hoàn toàn không biết vì tất cả số tiền này bà L dùng cho việc làm ăn riêng của bà L, bà L không dùng vào mục đích chung của gia đình. Từ trước đến nay, bà L và ông L1 đều có công việc kinh doanh riêng, thu nhập riêng và độc lập với nhau, ông L1 lái xe dịch vụ, bà L kinh doanh tạp hóa. Bà L xác định việc vay Ngân hàng cũng là cá nhân bà L vay, không có việc ông L1 cùng vay để đáo nợ

Ngân hàng, bà L đề nghị nguyên đơn chứng minh ông L1 có cùng bà L vay tiền Ngân hàng để buộc ông L1 liên đới trả nợ.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà L và ông Bùi Thanh L1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 30/8/2024 và lãi suất phát sinh, bà L có ý kiến như sau:

Bà L đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vay là 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 30/8/2024 mà bà L đã ký. Đối với lãi suất phát sinh, bà L không đồng ý trả vì bà L đã trả lãi nhiều lần với số tiền lớn, đối với số tiền lãi bà L đã thanh toán bà L không yêu cầu xem xét. Bà L xin gia hạn thời gian trả cho bà M là 01 năm, do những người nợ tiền bà L đều hẹn bà L thời gian trả là 01 năm.

Bà L không đồng ý việc ông L1 cùng liên đới trả nợ vì ông L1 hoàn toàn không biết và không sử dụng đến số tiền vay này, cũng không ký tên cùng bà L vào giấy mượn tiền, đây là việc làm ăn riêng của bà L. Bà L và ông L1 tuy sống chung nhưng công việc làm ăn của hai bên đều riêng biệt, độc lập với nhau, không có liên quan đến nhau nên đây là trách nhiệm riêng của bà L. Đồng thời, bà L đề nghị bà Nguyễn Thị M trả lại cho ông L1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05T53 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 28, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vì đây là tài sản riêng của ông L1.

Bị đơn ông Bùi Thanh L1 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2025 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D đại diện trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 là vợ chồng, chung sống với nhau vào khoảng năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, hiện vẫn còn tồn tại hôn nhân hợp pháp và còn chung sống với nhau.

Bà Nguyễn Thị M là hàng xóm với vợ chồng ông L1, đến khoảng tháng 02/2025 thì bà Nguyễn Thị M đến nhà đòi bà L trả nợ thì ông L1 mới biết sự việc bà L mượn tiền bà M đồng thời mới biết luôn sự việc bà L tự ý lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05T53 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 28, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An của ông L1 giao cho bà M giữ.

Ông L1 hoàn toàn không biết sự việc ngày 30/8/2024, bà Nguyễn Thị Kim L vay bà Nguyễn Thị M số tiền 500.000.000 đồng và ký giấy mượn tiền ngày 30/8/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị M đến nhà yêu cầu bà L trả nợ ông L1 mới biết.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vay là 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 30/8/2024 và lãi suất phát sinh, ông L1 không đồng ý liên đới với bà L vì ông L1 hoàn toàn không biết và không sử dụng đến số tiền vay này cũng không ký tên cùng bà L vào giấy mượn tiền, bà L cũng không nói cho ông L1 biết về việc vay tiền này và mục đích sử dụng số tiền vay này, đây là việc làm ăn riêng của bà L. Ông L1 và bà L tuy sống chung nhưng công việc làm ăn của hai bên đều riêng biệt, độc lập với nhau nên đây là trách nhiệm riêng của bà L, ông L1 không có nghĩa vụ cùng bà L trả nợ cho bà M. Đồng thời, ông L1 đề nghị bà Nguyễn Thị M trả lại cho ông L1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

CS05T53 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 28, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vì đây là tài sản được tặng cho riêng, không phải tài sản chung của ông L1 và bà L, nhân lúc ông L1 đi làm, bà L đã tự ý lấy bản chính giấy đất giao cho bà M mà không cho ông L1 biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P1, Trần Thị Mỹ P trình bày: Bà P1, bà P đã khởi kiện bà L, ông L1 một vụ án khác nên bà P1, bà P không có ý kiến gì trong vụ tranh chấp giữa bà M với bà L, ông L1 trong vụ án này. Đối với Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05T53 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 28, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, các bà không biết ai là người giao cho bà M nên không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh S trình bày: ông S đã khởi kiện bà L, ông L1 một vụ án khác nên không có ý kiến gì trong vụ tranh chấp giữa bà M với bà L, ông L1 trong vụ án này. Đối với việc bà L chuyển khoản cho ông S là vì ông S có làm nghề dịch vụ "Chuyển - rút tiền nhanh" tại địa phương ấp B, xã H. Việc bà Nguyễn Thị Kim L có chuyển tiền cho ông S nhiều lần cũng như ông S chuyển tiền cho bà L là thực hiện theo yêu cầu dịch vụ "Chuyển - rút tiền nhanh" theo yêu cầu để bà L đổi tiền mặt. Các lần chuyển tiền này không liên quan gì đến hợp đồng vay giữa ông S và bà L ngày 06/9/2024 và cũng không phải là tiền lãi do bà L trả cho bất kỳ ai. Đối với Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05T53 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 28, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, ông không biết và không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 theo "Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024".

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền đã vay là 500.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024".

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương với 0.83%/tháng), tính từ ngày 31/10/2024 đến ngày 21/5/2025 trên tổng số tiền 500.000.000 đồng, tiền lãi là 27.916.000 đồng.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M là 527.916.000 (năm trăm hai mươi bảy triệu chín trăm mười sáu ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 về việc trả lãi trên tổng số tiền 500.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 30/8/2024 đến ngày 30/10/2024 với số tiền là 8.324.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 liên đới chịu 25.117.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 04/6/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Thanh L1 không phải liên đới cùng trả nợ.

Ngày 04/6/2025, bị đơn ông Bùi Thanh L1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng hủy bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu ông phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim L trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phần tranh luận:

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn D đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận chữ ký, viết tên trong “Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024” là của bà và xác định có vay bà Nguyễn Thị

M số tiền 500.000.000 đồng đến nay chưa trả nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét theo “Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024” thể hiện bà Nguyễn Thị Kim L chỉ vay của bà Nguyễn Thị M, kết quả thu thập chứng cứ xác định giao dịch vay tiền giữa bà L với bà M không có liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bà L với các ông, bà Nguyễn Thị P1, Trần Thị Mỹ P, Trần Minh S và đã được giải quyết trong vụ án khác nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 do ông Nguyễn Văn D đại diện không đồng ý với việc bà Nguyễn Thị M yêu cầu buộc ông Bùi Thanh L1 liên đới cùng bà L thanh toán tiền vay cho bà M.

Xét thấy, “Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024” tuy chỉ có chữ ký và ghi tên bà L nhưng được bà L thừa nhận là người trực tiếp nhận tiền vay. Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 đều thừa nhận đã xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H đến nay vẫn còn chung sống chung. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền 500.000.000 đồng được vay trong thời kỳ còn tồn tại hôn nhân hợp pháp giữa bà L và ông L1. Bà L có lời khai “Toàn bộ số tiền vay mượn trên bà L dùng để có vốn kinh doanh tiệm tạp hóa, một phần bà L dùng để cho vay cho ai có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng” nhằm mục đích tạo thu nhập, như vậy mục đích cuối cùng của việc bà L vay tiền từ bà M là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tại phiên tòa, ông L1 cũng thừa nhận vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân và đang chung sống với bà L, có cùng nuôi 03 con chung đang ăn học. Việc ông L1 và bà L trình bày kinh doanh riêng, độc lập về kinh tế nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định là nghĩa vụ trả nợ không phải của riêng bà L, cần buộc ông L1 có trách nhiệm liên đới với bà L trả nợ cho bà M là phù hợp với Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ B bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 liên đới trả số tiền đã mượn là 500.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ B bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 liên đới trả tiền lãi trên số tiền 500.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương với 0.83%/tháng), tính từ ngày 30/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà L trình bày đã nhiều lần trả lãi cho bà M qua số tài khoản của ông Trần Minh S (có cung cấp bản in chuyển tiền giao nộp cho Tòa), có khi trả tiền mặt trực tiếp cho bà M, nên bà L không đồng ý trả lãi suất phát sinh vì đã trả lãi với số tiền lớn. Tuy nhiên, việc này không được ông S và bà M thừa nhận, bà L không xuất trình được chứng cứ chứng minh, việc bà L cung cấp thông tin chuyển tiền cho ông S nhưng không ghi nội dung, ông S xuất trình được chứng cứ chứng minh ông S có làm dịch vụ “chuyển – rút tiền nhanh”, do đó không có cơ sở xem xét ý kiến này của bà L, cần buộc bà L và ông L1 liên đới trả tiền lãi cho bà M là phù hợp.

Xét “Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024” không có thỏa thuận về lãi suất, có nội dung “Thời gian mượn: từ ngày 30/8/2024 đến ngày 30/10/2024”. Do đó, căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự áp dụng mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 31/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/5/2025) là phù hợp.

Tiền lãi phát sinh cụ thể như sau: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 27.916.000 \text{ đồng}$ (làm tròn). Tổng số tiền gốc và lãi bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị M là: $500.000.000 \text{ đồng} + 27.916.000 \text{ đồng} = 527.916.000 \text{ đồng}$.

Đối với Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05T53 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 28, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An ghi tên ông Bùi Thanh L1: Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Thanh L1 không có đơn phản tố đối với yêu cầu trả lại Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05T53 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 28, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông Bùi Thanh L1. Tuy nhiên, xét số tiền mà bà L, ông L1 vay của bà M và lãi phát sinh là nghĩa vụ trả nợ chung của bà L và ông L1. Nguyên đơn cũng có ý kiến đồng ý sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05T53 khi bà L, ông L1 thanh toán đầy đủ số tiền vay và gốc hoặc để cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thi hành nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có cơ sở nên ghi nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng tại phiên tòa, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1:

[2.1] Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận có viết và ký tên trên “Giấy mượn tiền đề ngày 30/08/2024”, thừa nhận có vay bà Nguyễn Thị M và đồng ý trả số tiền vay 500.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Kim L có vay và còn nợ bà Nguyễn Thị M số tiền 500.000.000 đồng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả bà Nguyễn Thị M số tiền vay là 500.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Xét thấy, ông Trần Minh S làm nghề kinh doanh dịch vụ “chuyển – rút tiền nhanh”. Bà L trình bày đã nhiều lần trả lãi cho bà M qua số tài khoản của ông Trần Minh S và trả tiền mặt trực tiếp cho bà M nên bà L không đồng ý trả lãi quá hạn cho bà M. Tuy nhiên, ông S và bà M không thừa nhận lời trình bày của bà L và bà L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh các lần bà

chuyển tiền cho ông S và giao cho bà M là để trả lãi cho khoản vay đề ngày 30/8/2024 của bà Nguyễn Thị M nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà L. Mặt khác, xét thấy “Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024” mặc dù không thể hiện thỏa thuận lãi nhưng thể hiện thỏa thuận thời gian vay là từ ngày 03/8/2024 đến ngày 30/10/2024 là hạn trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự để buộc bà L trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 31/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/5/2025) với số tiền 500.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 06 tháng 21 ngày = 27.916.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Xét, bà L và ông L1 là vợ chồng hợp pháp, bà L thực hiện việc vay tiền dùng để có vốn kinh doanh tiệm tạp hóa, một phần bà L dùng để cho người khác vay lại để đáo hạn ngân hàng nhằm mục đích tạo thu nhập, như vậy mục đích cuối cùng của việc bà L vay tiền là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và việc vay tiền được thực hiện ngay tại nhà và trong thời gian sống chung nên việc ông L1 cho rằng không biết là không có căn cứ. Mặt khác, ông L1 không cung cấp được tài liệu, có chứng cứ chứng minh việc bà L vay tiền không liên quan gì đến ông. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông L1 cùng liên đới với bà L trả tiền vay cho bà M là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1. Quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 280, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014/Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 theo “Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền đã vay là 500.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền ghi ngày 30/8/2024”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương với 0.83%/tháng), tính từ ngày 31/10/2024 đến ngày 21/5/2025 trên tổng số tiền 500.000.000 đồng, tiền lãi là 27.916.000 đồng.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M là 527.916.000 (năm trăm hai mươi bảy triệu chín trăm mười sáu ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 về việc trả lãi trên tổng số tiền 500.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 30/8/2024 đến ngày 30/10/2024 với số tiền là 8.324.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 liên đới chịu 25.117.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị M.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 600.000 đồng nhưng được khấu trừ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0007157, 0007165 cùng ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nay là Thi hành án dân sự khu vực 3, Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông L1, bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 3 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân